

GIA TRỊ VÀ SỨC SỐNG BỀN VỮNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

# SỰ PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN MÁC - LÊNIN VỀ TÔN GIÁO TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH<sup>(\*)</sup>

ĐỖ LAN HIỀN<sup>(\*\*)</sup>

*Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo là một sự bổ sung “cơ sở lịch sử” cho lý luận Mác - Lênin về tôn giáo bằng “kinh nghiệm học” Đông phương, với trường hợp cụ thể là tôn giáo trong bối cảnh xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX và làm giàu thêm lý luận mácxít về tôn giáo bằng những hằng số phù hợp với thời đại. Trong bài viết này, tác giả chỉ ra những hằng số của lý luận mácxít về tôn giáo phù hợp với bối cảnh Việt Nam đương đại trong tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Trong luận văn về tôn giáo của mình, C.Mác đã nhận định một cách khái quát rằng, nhìn vào lịch sử loài người, chúng ta thấy rằng, mọi dân tộc, kể cả khi đã đạt đến trình độ văn hóa – văn minh cao nhất, đều không thể trút bỏ khỏi mình những cảm nhận về thánh thần. Và, những dân tộc đó, cả trong đạo đức lẫn tinh thần, đều không thoát khỏi những phiền muộn sâu sắc, nên thánh thần chính là biểu tượng, là khát vọng vươn tới ánh sáng và chân lý của họ. Trạng thái tâm lý bất an, niềm tin nội tâm rằng mình đang bị ruồng bỏ, sợ hãi các thánh thần nổi giận khiến con người tìm đến các thánh thần, hy vọng bằng cách đó sẽ làm thay đổi cuộc đời và chuộc được tội lỗi của mình. Chính vì vậy, lịch sử các dân tộc cho chúng ta thấy sự cần thiết, sự thống nhất giữa con người với thần thánh của họ<sup>(1)</sup>.

Trong luận văn này, bằng việc khái quát hóa bản chất, cội nguồn và tính tất yếu của ý thức tôn giáo, C.Mác đã cho thấy tôn giáo hay thánh thần chính là “sản phẩm” của sự sáng tạo bởi ý thức, cảm giác của con người, nhưng rồi con người không nhận ra sản phẩm của chính mình, sản phẩm đó lại như thuộc về một thế giới khác, thế giới của các thánh thần hay ma quỷ và con người phải quỳ gối trước sản phẩm của chính mình để cầu xin những gì mà mình bất lực trong thế giới thực tại này. Do vậy, thánh thần trở nên xa lạ, đối lập và quay trở lại thống trị con người. Và rồi, con người hiến thân cho tôn giáo càng

(\*) Bài viết này là kết quả nghiên cứu thuộc đề tài “Ảnh hưởng của tôn giáo đến lối sống người Việt và ý nghĩa của nó trong việc xây dựng lối sống mới hiện nay”, mã số 12.3-2013.12, do quỹ Nafosted tài trợ.

(\*\*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

(1) Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.40. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.992-999.

hiều thì cái mà con người còn giữ lại được lại càng ít, con người càng trở nên mất lý trí, dần dần và phụ thuộc hoàn toàn vào tôn giáo, vào thần linh. Chính vì vậy, theo C.Mác, giải phóng con người khỏi “bóng ma” tôn giáo chính là để “giải phóng” con người khỏi hạnh phúc hư ảo do tôn giáo đem lại.

Lý thuyết tôn giáo đó của chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở lý luận cho nhận thức, xây dựng chính sách tôn giáo của các Đảng Cộng sản, trong đó có Đảng Cộng sản Việt Nam.

Song, tôn giáo mà các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin nói đến là tôn giáo của người châu Âu, đặc biệt là của nước Đức những năm đầu thế kỷ XIX, khi nhà thờ vẫn là chỗ dựa vững chắc của nhà vua, thế quyền và thần quyền cấu kết chặt chẽ cùng thống trị nhân dân trong vòng ngu muội. Nhà nước Phổ khi đó ra sức bảo vệ địa vị độc tôn của thần học Kitô giáo nhằm mục đích duy trì chế độ kiểm duyệt của nhà nước. Còn ở Nga, những năm cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa duy tâm triết học, chủ nghĩa Makhơ đang làm sống lại thuyết tạo thần và chủ nghĩa tín ngưỡng để chống lại chủ nghĩa duy vật của C.Mác và Ph.Ăngghen. Trong khi đó, người dân An Nam (Việt Nam, theo cách gọi của Hồ Chí Minh lúc đó) không có tôn giáo theo nghĩa là một tôn giáo độc thần như của người châu Âu, người An Nam cũng không có tầng lớp tư tế, không biết đến uy tín của thầy cúng, linh mục...(2).

Do đó, những tư tưởng, quan điểm của Hồ Chí Minh về tôn giáo là một sự bổ sung “cơ sở lịch sử” cho lý luận Mác - Lênin về tôn giáo bằng “kinh nghiệm học” Đông phương, với trường hợp cụ thể là tôn giáo trong bối cảnh xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX và làm giàu thêm lý luận mácxít về tôn giáo bằng những hằng số phù hợp với thời đại.

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ ra những hằng số của lý luận mácxít về tôn giáo phù hợp với bối cảnh Việt Nam đương đại trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

*Hằng số thứ nhất*, nếu C.Mác, Ph.Ăngghen lấy phạm trù *tha hóa của ý thức / thế giới quan lộn ngược / sự phản ánh hoang đường, hư ảo / thuốc phiện của nhân dân* để giải thích bản chất của tôn giáo, thì Hồ Chí Minh nhìn nhận tôn giáo không chỉ ở khía cạnh *tính tư tưởng, tính nhận thức hay tính chính trị*, mà còn chú ý hơn ở *góc độ tình cảm, nhu cầu, thực hành / trải nghiệm của cá nhân*.

Hồ Chí Minh nói rằng, “tín đồ Phật giáo tin ở Phật, tín đồ Gia tô tin ở đức Chúa Trời, cũng như chúng ta tin ở đạo Khổng. Đó là những vị chí tôn nên chúng ta tin tưởng. Nhưng đối với dân ta, ta đừng có làm gì trái ý dân. Dân muốn gì ta phải làm nấy”(3). Điều đó có nghĩa rằng, với Hồ Chí Minh, niềm tin vào thánh thần của người dân là một sự

(2) Xem: Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.1. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.463.

(3) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.4, tr.169.

lựa chọn ít nhiều duy lý. Phật Thích Ca, Khổng Tử hay Giê su đều là các bậc đại trí, lý thuyết của họ đều chủ trương xây dựng một xã hội đại đồng không còn áp bức, lý tưởng của họ đều muốn giải thoát chúng sinh, mưu cầu hạnh phúc cho nhân loại. Người dân theo Phật vì tìm thấy ở đó điểm tựa của sự an định tinh thần; họ đến với chúa Giê su là mong được yêu thương, được cứu khổ cứu nạn; đến với đạo Lão để học cách sống an nhiên, tự tại, không bon chen vị kỷ, để thoả mãn thói ưa huyền bí, huyền nhiệm qua những hình thức lên đồng, lên bóng tại các đền phủ; đến với đạo Khổng vì coi trọng nếp sống tôn ti trật tự trong gia đình và ngoài xã hội, coi trọng chữ *Hiếu*, chữ *Trung*, chữ *Nhân* và sự đức hạnh của con người; cũng giống như những người cộng sản đặt niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, vào xã hội cộng sản không còn bất công, áp bức và con người được tự do thăng tiến, phát triển toàn diện cả về vật chất lẫn tinh thần. Do đó, mục tiêu và lý tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tôn giáo là như nhau, chỉ khác nhau ở con đường và cách thức hành động để đạt đến mục tiêu đó. Người vô thần hay người tôn giáo đều giống nhau trong thái độ và nghĩa vụ trước các vấn đề nhân bản của cuộc sống, đều cùng mưu cầu hạnh phúc và khát khao một cuộc sống an bình, có khác chăng là ở cách thức biểu đạt mà thôi. Hàng số đó được Hồ Chí Minh một lần nữa khẳng định trong câu nói: “Học thuyết của

Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo của Giê su có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm của nó, chính sách của nó phù hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Giê su, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có những điểm chung đó sao? Họ đều muốn mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, nếu họ hợp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết”(4).

Nhận định trên của Hồ Chí Minh khẳng định cho *hàng số thứ hai* trong lý luận mácxít về tôn giáo trong thời đại Hồ Chí Minh, hàng số đó là, *người vô thần / người cộng sản không chủ trương xóa bỏ tôn giáo, cho dù còn có điểm khác biệt*.

Với C.Mác và Ph.Ăngghen hay V.I.Lênin, một Đảng Cộng sản, một nhà nước công nông phải “đấu tranh chống tôn giáo. Đó là điều sơ đẳng của *toàn bộ* chủ nghĩa duy vật, và do đó, của chủ nghĩa Mác”(5); và phải “*giải phóng*” con người khỏi bóng ma tôn giáo, làm cho tôn giáo đi đến chỗ tiêu vong một cách thực sự bằng cách tiêu diệt nguồn gốc xã hội

(4) Viện Nghiên cứu Tôn giáo. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, tr.9.

(5) V.I.Lênin. *Toàn tập*, t.17. Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1987, tr.514.

sâu xa nhất của nó là sự cùng khổ và dốt nát, hoặc cần phải có một hành động xã hội để “giải phóng tất cả mọi thành viên trong xã hội khỏi tình trạng bị nô dịch, trong đó hiện nay họ đang bị giam cầm bởi những tư liệu sản xuất do chính tay họ đã làm ra nhưng lại đối lập với họ như một sức mạnh xa lạ không sao khắc phục nổi...”(6), bằng cách đó, sẽ giải phóng con người khỏi “bóng ma” tôn giáo để con người không còn ảo tưởng và nhẩn nhục, giải phóng khỏi những gông cùm đang trói buộc tinh thần họ mà tôn giáo là một nguyên nhân. Song, với Hồ Chí Minh thì đây không phải là lúc người cộng sản chống tôn giáo, hay phê phán nó, mà “hãy để vấn đề đảng phái sang một bên, đừng bận tâm tới”(7).

Có thể nói, nhận định này của Hồ Chí Minh là một hằng số vượt tầm thời đại. Thời kỳ đầu khi mới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, quan điểm tả khuynh về tôn giáo của Quốc tế Cộng sản, của nước Nga Xôviết đã có ảnh hưởng rất lớn trong nhận thức và chính sách đối với tôn giáo của Đảng, bầu không khí đấu tranh về đảng phái, về tư tưởng và lập trường giai cấp ở Việt Nam khá gay gắt, một bộ phận cán bộ nhìn nhận tôn giáo thuần túy từ góc độ chính trị, hiểu một cách đơn giản tôn giáo là đồng nhất với sai lầm, lạc hậu, bảo thủ và phản cách mạng. Đồng bào theo tôn giáo do chịu ảnh hưởng của thế giới quan duy tâm, sai lầm ấy nên dễ bị mê muội, mua chuộc. Giới chức sắc thì

nguy hiểm, cần cảnh giác; không gian tôn giáo là những “pháo đài” bí ẩn,... nhưng Hồ Chí Minh, khi đó, vẫn kiên quyết sử dụng những vị bộ trưởng không phải là đảng viên cộng sản, thậm chí còn là người Công giáo, như tín hữu Nguyễn Mạnh Hà, Ngô Tử Hạ, Vũ Đình Tụng. Người mời các chức sắc Công giáo, như giám mục Lê Hữu Từ, Giám mục Hồ Ngọc Cẩn làm cố vấn tối cao cho Chính phủ, Linh mục Phạm Bá Trực làm Phó ban Thường trực Quốc hội, ông Cao Triều Phát (chủ tịch Hội Cao Đài cứu quốc 12 phái hiệp nhất) làm Cố vấn ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ, v.v.. Trong thư gửi chức sắc và tín đồ các tôn giáo, Người còn nhiều lần nhắc lại việc Việt Minh (tức người cộng sản) không bao giờ chống đạo hay phản đối tôn giáo, sự xích mích nhỏ giữa đồng bào có đạo và không có đạo là vì đạo đức giáo hóa chưa được phổ cập, không ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết của dân tộc. Hiến pháp đã quy định tín ngưỡng tự do, ai khiêu khích tôn giáo là làm sai Hiến pháp sẽ bị xử phạt...(8). Người đã phải dùng đến những lời lẽ nghiêm khắc để phê phán thái độ, hành vi xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân: “Cán

(6) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.20. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.439.

(7) Hồ Chí Minh. *Thư gửi cho các linh mục ngày 23/3/1947*, trong Trần Tam Tỉnh. *Thiên chúa và Hoàng đế*. Ủy ban đoàn kết Công giáo yêu nước, Tp. Hồ Chí Minh, tr.67.

(8) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.5. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.53.

bộ ta kém, có nơi đã có những hành động lỗ lã, phạm đến tín ngưỡng và quyền lợi của đồng bào tôn giáo”(9); “mấy anh em thanh niên tuyên truyền giảm bớt giỗ tết. Nhưng đến khi ra chợ, gặp ai mua đồ mã thì giựt lấy đốt hết. Như thế là ngược...”(10).

Như vậy, với Hồ Chí Minh, người cộng sản không chủ trương phế bỏ tôn giáo và các yếu tố thờ cúng của nó, làm như vậy là trái với tinh thần dân chủ. Người cộng sản làm cách mạng, đấu tranh chống kẻ thù là để đem lại độc lập, tự do cho nước nhà, cũng là để cho văn hóa, chính trị, kinh tế, tín ngưỡng, tôn giáo đều được phát triển tự do(11). Xây dựng một xã hội phồn vinh để người dân có được hạnh phúc thực sự, để họ suy nghĩ và hành động một cách có lý tính hơn, không phải chỉ biết phê phán tôn giáo, bác bỏ nó về mặt lý luận, mà phải giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng chính trị, tức là, phải xác lập “chân lý” của “thế giới bên này”. Chân lý đó, với Hồ Chí Minh, rất dung dị, đó là, mọi người đều có cơm ăn, áo mặc, có chỗ ở và được học hành. Với Người, cái gì có lợi cho dân thì làm và đó là chân lý, phục vụ nhân dân là phục tùng chân lý. Người dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của dân chủ khi họ được ăn no, mặc đủ. Quân chúng nhân dân là người làm ra lịch sử, cách mạng muốn thành công phải nhờ nhân dân, do đó phải chăm lo cho dân cả “*phần xác*” lẫn “*phần hồn*” để người dân có được “*phần xác* no ấm, *phần hồn* thông

*đong*”(12) thế mới là *hiếu dân tình, thế thái*, thế mới là *chăm lo dân sinh*.

Là người trực tiếp soạn thảo và ban hành rất nhiều văn bản pháp quy quan trọng về việc tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng của người dân, như *Chương trình Việt Minh; Mười chính sách của Việt Minh (1941); Những nhiệm vụ cấp bách của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1945); Sáu điều không nên và sáu điều nên làm (1948); Tám điều lệnh của Chính phủ Dân chủ cộng hòa Việt Nam (1952); Sắc lệnh 234/SL (1955)*, Hồ Chí Minh với tinh thần nhất quán, luôn khẳng định: “Chính quyền, quân đội, các đoàn thể phải tôn trọng tín ngưỡng, phong tục, tập quán của đồng bào... và phải bảo hộ họ”(13).

*Hàng số thứ ba*, với V.I.Lênin, người cộng sản phải tuyên bố và thể hiện rõ lập trường duy vật và thế giới quan vô thần luận của mình, không được tham gia vào bất kỳ một tổ chức hay một liên minh tôn giáo nào, thì với Hồ Chí Minh “tôn giáo là duy tâm, cộng sản là duy vật... nhưng người có tôn giáo vẫn vào đảng được, miễn là trung thành, hăng hái làm nhiệm vụ, giữ đúng kỷ luật của đảng...” (chúng tôi nhấn mạnh - Đ.L.H)(14) và trong Thư gửi đồng bào tôn giáo,

(9) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.6, tr.394.

(10) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.127.

(11) Xem: Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.157.

(12) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.13, tr.454.

(13) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.6, tr.488.

(14) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.7, tr.200.

Người thường dùng câu “*câu Chúa phù hộ cho dân tộc Việt Nam*”, “*Thượng đế và Tổ quốc muôn năm*”.

Có thể nói, Hồ Chí Minh thực sự là một biểu tượng về phong cách ứng xử độc đáo, tinh tế của một người vô thần mácxít đối với người hữu thần, một thái độ hết sức trân trọng đối với tôn giáo và tâm cao của nghệ thuật dân vận. Kinh nghiệm quý báu đó ở Người là một hằng số trong công tác tôn giáo hiện nay. Hằng số đó là, với công tác tôn giáo thì “sai một ly, đi một dặm”, người cộng sản phải học những người đi truyền giáo, trong công tác vận động phải biết nhẫn nại, không được lên mặt quan cách, nói một lần người ta chưa hiểu thì nói đến hai lần, ba lần, tuyên truyền thì phải dần dần để người ta hiểu mà vui lòng làm, chứ không có quyền ép người ta...(15). Tức là, xét cho đến cùng, công tác tôn giáo là công tác vận động, tranh thủ, cảm hóa, thuyết phục tín đồ, chức sắc để họ hiểu, tin và làm theo. Vận động tín đồ, chức sắc phải được xem là một nhiệm vụ chiến lược, quyết định sự thành bại của cách mạng. Nếu chúng ta không biết trân trọng tình cảm tôn giáo của người dân, xâm hại hay làm tổn hại đến tình cảm tôn giáo ấy tức là phá hỏng sự nghiệp đoàn kết của cách mạng, rơi vào âm mưu tuyên truyền của kẻ thù là cộng sản chủ trương tiêu diệt tôn giáo.

Thực tiễn cho thấy, chức sắc các tôn giáo là những người có niềm tin tôn

giáo sâu sắc, trung thành với đức tin một cách tuyệt đối. Họ là những người được đào tạo cơ bản, có trình độ, kiến thức về thần học, triết học, tâm lý, lịch sử và nhiều môn khoa học khác. Hơn nữa, họ gần gũi, quan tâm, chăm sóc và chia sẻ một cách ân tình với tín đồ. Họ lại được xem là “đáng bản quyền” thay mặt Chúa chăm sóc phần hồn cho tín đồ, do đó, người dân rất cảm mến, tin tưởng và vâng phục “bề trên”. Do vậy, để tranh thủ được người dân, thì công tác vận động chức sắc giữ vai trò vô cùng quan trọng. Sinh thời, Hồ Chí Minh đã rất thành công trong công tác vận động cá biệt này. Khi viết thư cho Giám mục Lê Hữu Từ, Người thường dùng những lời lẽ chân tình, thân mật như “cụ là người bạn thân của tôi... Nhờ cụ cầu Đức chúa ban phúc cho Tổ quốc...”(16). Mặc dù biết rõ Phát Diệm từng là một trong những “pháo đài” chống Việt Minh, nhưng Người vẫn khẳng định: “Giặc Pháp nhảy dù Phát Diệm lại tuyên bố dối rằng Đức cha Từ mời chúng đến... Tôi không bao giờ nghĩ rằng đồng bào Công giáo chống lại Việt Minh... Giặc Pháp sẽ thất bại, vì đã mấy năm nay, đồng bào Công giáo đều hăng hái tham gia kháng chiến cứu nước...”(17).

Tóm lại, Hồ Chí Minh không có một hệ thống lý luận về tôn giáo như C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin, nhưng những

(15) Xem: Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.4, tr.72.

(16) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.37.

(17) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.53; t.6, tr.236.

suy tư của Người về tôn giáo đã để lại cho chúng ta một kinh nghiệm lớn lao về sách lược của một Đảng Cộng sản đối với tôn giáo trong thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa, một phong cách ứng xử tế nhị, một thái độ trân trọng đối với tôn giáo, vì thế mà khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố và một chính sách tôn giáo đúng đắn ra đời từ đó cho đến nay. Trên mọi miền của Tổ quốc, sinh hoạt tôn giáo diễn ra khá sôi nổi, đa dạng, phong phú. Các tôn giáo đều có sự phát triển về tín đồ, chức sắc, nhà tu hành. Cơ sở thờ tự được xây dựng mới, tu bổ khang trang. Tổ chức giáo hội được củng cố từ cấp Trung ương đến cơ sở, đó chính là những chứng từ sống động cho việc, ở một quốc gia cộng sản, tôn giáo không những không bị cấm cản, mà còn được tự do phát triển và được bảo hộ.

Nghiên cứu những hằng số trong tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, chỉ ra những điểm có phần khác biệt so với các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin không có nghĩa là tư tưởng về tôn giáo và sách lược đối với tôn giáo của Hồ Chí Minh có mâu thuẫn hay đối lập với quan điểm mácxít trong vấn đề này, mà chính là làm giàu thêm chủ nghĩa Mác - Lênin và củng cố sức sống của nó bằng những hằng số phù hợp với thời đại. Sự phát triển của tôn giáo hiện nay đặt ra trước chủ nghĩa vô thần mácxít một phạm vi nghiên cứu cần đến sự nhận thức và giải đáp một cách biện

chứng. Nếu các nhà tôn giáo học mácxít đáp ứng được đòi hỏi đó của thực tiễn thì chủ nghĩa Mác - Lênin không bao giờ mất đi tính thời sự của mình và chính trên cơ sở phân tích một cách biện chứng các vấn đề tôn giáo toàn cầu, tôn giáo học mácxít thể hiện được nhiệm vụ tiếp hợp trực tiếp với thực tiễn và triển vọng phát triển của mình.

Sinh thời, Hồ Chí Minh từng trần trố: "Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử đó là lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại"(18), do đó, những người cộng sản chúng ta cần xem xét "cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác và bổ sung nó bằng kinh nghiệm học Đông phương. Và, Hồ Chí Minh chính là người đã làm được điều đó.

Như vậy, lý luận tôn giáo của chủ nghĩa Mác - Lênin được Hồ Chí Minh tiếp nhận và vận dụng với một tâm thức và thực tiễn Đông phương, Việt hóa nó cho phù hợp với bối cảnh đời sống tôn giáo ở Việt Nam, và nói như Trần Văn Giàu, "Hồ Chí Minh đi vào chủ nghĩa Mác - Lênin không phải bằng cửa ngõ "giai cấp đấu tranh" hay "vô sản chuyên chính", mà đi vào bằng cửa ngõ vấn đề dân tộc và thuộc địa"(19).□

(18) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.1, tr.509 - 510.

(19) Trần Văn Giàu. *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, t.3. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.45.